

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

- TH.nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sự

Bà Nguyễn Thị Kim Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P. – sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Xuân H. – sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P. trình bày: Chị P. và anh H. tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P. phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H. thường xuyên uống rượu về đánh đập chị H. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, phần ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P. ly hôn với anh Phan Xuân H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị P. có 01 con chung, tên là Phan Lê Xuân H1, sinh ngày 14-8-2012. Khi ly hôn, chị P. có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 đến tuổi thành niên và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Phan Xuân H. trình bày:

Về hôn nhân: Anh H. khai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P. ngoại tình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị P. yêu cầu ly hôn thì anh H. không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh H. có 01 con chung, tên là Phan Lê Xuân H1, sinh ngày 14-8-2012. Khi ly hôn nếu cháu Huyền có nguyện vọng ở với mẹ thì anh H. đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh H. không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị P. và anh Phan Xuân H. ly hôn. Về nuôi con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phan Lê Xuân H1. cho chị P. nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H. không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị P. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly

hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Xuân H. có nơi cư trú tại thôn Đan Thượng, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P. với anh Phan Xuân H. tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Chị P. cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng uống rượu về đánh đập vợ. Vợ chồng chị P. đã ly thân từ năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh H. cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P. ngoại tình và vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng anh H. không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng anh H. vẫn không đến, điều đó chứng tỏ anh H. không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P. và anh H. thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P. yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị P. và anh H. có 01 con chung là Phan Lê Xuân H1., sinh ngày 14-8-2012. Khi ly hôn, chị P. có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. đến tuổi thành niên. Xét thấy, cháu H1. là con gái, cần sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ và hiện nay cháu H1. đang ở với chị P., cháu H1. có nguyện vọng ở với mẹ, anh H. cũng đồng ý giao cháu H1. cho chị P. nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu H1. cho chị P. trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của con. Chị P. không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị P. và anh H. đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị P. là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P. và anh Phan Xuân H. ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Lê Xuân H1., sinh ngày 14-8-2012 cho chị P. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị P. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị P. đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010643 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Chị P. đã nộp xong tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long